

BIA KIÊN NGHĨA

■ **Bùi Văn Chất**
(Trích dịch và giới thiệu)

Bia Kiên Nghĩa là tấm bia do Trung Quận công dựng lên để ghi công tích hai anh em Trần Hưng thôn Phú Lập, xã Bích Triều (nay là xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương). Văn bia cuối cùng có đoạn: Ngẩng trông thánh thượng, đoái thương tới chút công lao nhỏ mọn. Đã ủy cho vào hạng "cấm lữ" (được ra vào nơi cung cấm), bao phong tước quận công. Ân trạch đến thế càng nhớ tới Tiên huynh, đã cùng tay nâng tay xách, trăm trận xông pha. Cho tới ngày nay, những chiến tích ấy đã được ghi trong quốc sử. Muôn thuở lưu thơm không bút nào tả nổi. Bởi vậy càng thấm thía tinh sâu huynh đệ.

Triều quận công tên là Trần Hưng Học, là anh, Trung quận công là Trần Hưng Nhượng, là em. Hai anh em thuở thiếu thời học giỏi có tiếng, đứng đầu kỳ khảo thí ở huyện nhưng bị huyện chính đánh hỏng. Tức quá, anh em đi lại, cho nên không được ứng thí, bèn cùng nhau đi học kiếm, sức vóc tài nghệ hơn người.

Tháng hai năm Bính Thân, thời Lê Thịnh Đức (1656), Nam Bắc dấy binh. Tháng 6 năm Đinh Dậu (1657), anh em tập hợp trai tráng con em trong làng tập kích Nam doanh, tiến sang bờ Bắc gặp thống tướng Đương quận công Đào Quang Nhiều, trình bày lý lịch. Quang Nhiều đưa vào yết kiến Hành tại Phù Long, được ban cho chức hương quan thu thập nhuệ sĩ, hướng theo đường lên phía trước cùng đoàn quân hộ tống. Họ đưa linh cữu của phụ thân an thổ bên bờ Bắc. Sau đó, được Quang Nhiều tin dùng, sai xuất binh cùng toàn quân vào trận Nam Hóa ứng chiến. Tháng 9, năm Đinh Dậu, đại thắng ở chợ Bình Ngô, được thưởng tiền bạc. Tháng 8, năm Mậu Tuất (1658), qua sông, thắng lớn ở xã Nam Hoa Thượng (nay thuộc vùng Chín Nam, huyện Nam Đàn), được thưởng tiền, tăng khẩu phần. Sang tháng 9, lại thắng ở Nam Hoa. Tháng 10, làm tiên phong mở đường qua vùng hiểm trở, men theo các đường sơn cước, đại

phá Đãng Doanh, được thưởng bạc thoi, cấp thêm khẩu phần. Tháng 11, thăm dò được quân Nam ở Tuần Lễ, Hương Sơn, hiến kế vạch đường tập kích các ngã, có công. Tháng 12, đại thắng ở xã Tinh Diễm, Hương Sơn, được thưởng... Năm Kỷ Hợi (1659), toàn quân đánh lớn trận Mã Yên (đèo Yên Ngựa). Tháng 11, thắng lớn ở xứ Cống Đá, Yên Ấp, Hương Sơn, được thưởng. Tháng 4 năm Canh Tý (1660), đặt quân mai phục, thắng lớn ở xứ Cửa Hối, Yên Ấp; Tháng 9, lại đưa toàn quân tới Cửa Hối, Mã Yên; Tháng 11, tiến công Lồng Hồng, thắng lớn; Tháng 12, đại quân tiến vào Hoành Sơn, xông lên trước hãm trận, được thưởng tiền bạc. Tháng 4 năm Nhâm Dần (1662), ở Liêu phủ luận công hành thưởng, Hưng Học được giữ chức Thự vệ sự; Hưng Nhượng, Tả hiệu điểm. Cả hai đều được phong tước hầu. Đối với đệ tử, từ Cao Đẳng Tuần đến Nguyễn Hữu Đạo đều được thăng một cấp.

Sau khi xét nghĩa bình công, tháng 7 năm Canh Tuất (1670), Hưng Học được giữ Tham đốc; Hưng Nhượng thăng Thự vệ sự. Những thành tích này đều có chép trong "Quốc sử tục biên".

Tháng 5 năm Nhâm Tý (1672), được lệnh thống quản tiên đội, đi tiên phong, tiến vào Đòng Hối, đã xông lên trước, từ trên lũy cao phóng hỏa, được thưởng quan ngân.

Tháng 11 năm Quý Sửu (1673), Hưng Học qua đời, ở tuổi 43, được truy tặng Tham đốc Triều quận công và được ban tiền phúng điếu.

Năm Giáp Dần (1674), Hưng Nhượng vào kinh, được ban chức Phó cai quản thị hầu ưu tiên đội. Tháng giêng năm Canh Thân (1680), thăng cai đội tiếp hậu đội, sai thuộc đồn trấn. Tháng giêng năm Ất Sửu (1685), cai quản hữu quân thủy đội thuyền buồm lớn, 5 đội. Tháng 9 năm Bính Dần (1686), được phong Vệ sự tước quận công.

Có bài chế và văn bia Kiên Nghĩa như sau:

“Thuận thiên thừa vận, Hoàng thượng chế viết:

Trẫm duy! Hoàng thiên sinh hiền dụng thế, sở dĩ quyển quốc gia; Đại quân hữu mệnh chính công, sở dĩ lâm thân hạ. Di chương binh binh, vĩ phát hoàng hoàng. Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Đề đốc tứ vệ quân vụ sự, Tuyên Trung hầu, trụ quốc thượng liên, Trần Hưng Nhượng. Hoan địa anh kỳ, thảo lư tuần kiệt. Tỉ dư thừa tổ tông, bảo cơ tự, trị tư cần đại, nội dị an trung quốc, ngoại dĩ an biên thù; Gia nhĩ bảo phụ mẫu, suất tử đệ, chí quyết hướng minh, tài khả vi can thành, diệc khả vi phục tâm. Tôn ngưng thuận chiêm Càn ngũ; Bắc tòng khác dịch Khôn tam.

Trù diệu ưu Đường tướng chi danh, Ô châu đồ nhi hàn tâm phá đảm; Cơ thần mật Tống nho chi trí, Bắc dịch văn nhi thúc thủ hiến chẩm. Thiết tâm lũy hiệu trung cần; Ngân thưởng điệp mông quyển ngộ. Chỉ sắc thụ Tả hiệu điểm, công đa nhi trắc; Thư vệ cận túc vệ chi ban, phụng lệnh quản nội cấm binh, tích trí nhi thăng. Tham đốc lịch Đề đốc chi chức. Lượng nguyên huân ký trước; Tin cao thu hệ nghi. Thần lịch lâm quân thượng đại quyền, phương quảng đáp huân chí ý; Nhi thâm chẩm đại nhân cự tích, hạp kê liệt tước chi văn. Thị dụng trạc tự hầu liên tiến thăng công vị. Vu dĩ chiếu hậu ngộ, vu dĩ biểu thù lao. Ô hô! Tước dĩ thù công, dư đãi hậu thị thần chi lễ; Trung nhi sự thượng, Khanh miễn sự phụ quốc chi chẩm.

Vị phụng thị nhật cửu, phàm phụ trung cần, lũy tòng chinh phạt hữu công, phụng khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh, kiêm chương thứ chính Khiêm quốc Trịnh Bá, cung phụng Đại nguyên soái Tổng quốc chính thượng thánh phụ sự, thịnh công nhân minh uy đức Định vương, thượng chuẩn thăng thứ, hữu triều thần thiêm nghị, ung thăng Thư vệ sự

chức, quận công tước - Khả thăng: “Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ thư vệ sự Trung quận công thượng trụ quốc, thượng giai”.

Dịch: Thuận lòng trời thừa vận nước Hoàng thượng chế rằng: Trẫm nghĩ, trời sinh kẻ hiền tài cho đời sử dụng, là chỗ dựa của quốc gia; Nhà vua trị vì lo việc nước phải dựa vào thần dân, Huy chương rạng rỡ; cân đai ngồi ngồi. Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Đề đốc tứ vệ quân vụ sự, Tuyên Trung hầu Trần Hưng Nhượng là anh kỳ của đất Hoan Châu, là tuần kiệt xuất thân từ lều cỏ. Cho nên, ta (nhà vua) thừa nghiệp tổ tông, bảo vệ cơ đồ, lo toan cần trọng, (nhằm) trong để an đất nước, ngoài để yên bờ cõi; Vui thấy, các người (anh em Trần Hưng) ôm cha mẹ⁽¹⁾ dắt con em, chí quyết theo con đường sáng, tài xứng kẻ bày tôi giữ gìn xã tắc và cũng là hàng tâm phúc.

Tôn chiêm ngưng càn phương; Bắc vui theo Khôn hướng (Bốn phương quy về một nói thuận lẽ đất trời).

Trù liệu hay như danh tướng nhà Đường, ngoại bang thấy mà run tim vỡ mặt; Thần cơ diệu như danh nho nhà Tống, Bắc dịch nghe mà ôm gối bó tay. Sắt son dày dặn đức trung cần; Khen ngợi đậm đà tài công hiến. Tiền bạc thưởng bao lần, chỉ sắc thụ Tả hiệu điểm, do công nhiều mà nhắc; Giữ chức cận túc vệ lại được sung quản nội cấm binh, do có thành tích mà thăng. Tham đốc trải từ Đề đốc tin vào công đầu đã ghi, không chút nghi ngờ. Huống chi, đáng quân vương lớn quyền uy, rộng lòng đáp lại công huân. Mà ghi nhớ công tích của người có công lớn, liệt kê bằng chức tước. Ấy là cân nhắc từ tước “hầu” lên tước “công”, để soi tỏ về sau, để thù lao xứng đáng.

Ôi! Ta ban tước để đáp công, là lễ ta đặc biệt hậu đãi công thần, lấy lòng trung thờ nước; Là rường cột nước nhà các khanh gắng ra sức giúp nước.

Vì phụng thị lâu ngày, nêu đức trung cần, đánh nhiều trận, lập nhiều công, đã từng theo tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm chương thứ chính Khiêm quốc công Trịnh

Bách, theo Đại nguyên soái tổng quốc chính thượng thánh phụ sự thịnh công nhân minh uy đức Định Vương (Trịnh Căn), triều đình chuẩn tăng cấp, có đình thần thiêm nghị ung thăng chức thự vệ sự, tước quận công.

Nay thăng Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân cầm y vệ thự vệ sự, Trung quận công, thượng trụ quốc thượng giai.

Tháng 12 năm Bính Dần (1686), Hưng Nhượng được ban thủ hiệu, đi dẹp bọn giặc Khoan ở các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa hơn 6 tháng. Lại phá tan bọn giặc ở Yên Thành, nộp đầu tướng giặc⁽²⁾.

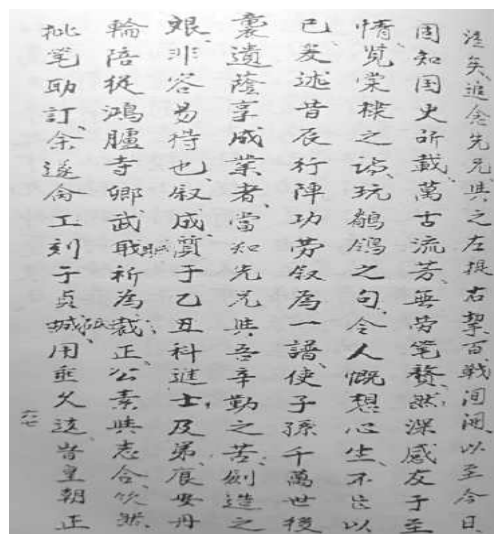
Tháng 8 năm Kỷ Tỵ (1689), giữ chức quản trung tiền thủy, đội đường biển gồm 5 đội thuyền lớn. Năm Canh Ngọ (1690), được giao cùng Đông quân đô đốc phủ Luân quận công Trịnh Tuyên đưa thủy quân tiến vào địa phận Quảng Yên, Hoa Phong cùng Diệp Sâm, thủy sư Đốc đốc cửa Thanh Long, tiêu trừ bọn hải tặc Phương Vân Long, Chu Quyên ở giáp giới Hải Dương. Tháng 9 năm ấy toàn quân trở về.

Tháng 5 năm Nhâm Thân (1692), được giao chức quản thị trung hứa cơ hầu binh 300 người. Năm Ất Hợi (1695)⁽³⁾, được suy ân ban chức Tham đốc, tước quận công. Tháng 5 năm Mậu Dần (1698), được giao chức quản tiền nhuê cơ ưu binh 400 người.

Những sự kiện trên, dựa theo “Niên giám Kiên Nghĩa bi” dựng trên vườn nhà ông. Bia Kiên Nghĩa do Trung quận công dựng lên để ghi công tích của toàn gia như trên. Cuối cùng có đoạn viết:

“Ngượng mông thánh thượng, chần cập vi lao. Ủy dĩ cảm lữ, tước dĩ công ban. Ân chí ác hỹ, trung niệm tiên huynh. Dự chi tả đề hữu khiết, bách chiến gian khai, dĩ chí kim nhật, cố tri quốc sử sở tại. Vạn cổ lưu phương, vô lao bút chuế. Nhân thâm cảm hữu vu chí tình. Lãm “đường lệ” chi thi, ngoạn “tích linh” chi cú, lệnh nhân khái tưởng tâm sinh, bất năng dĩ kỷ. Viên thuật tích thời hành trận công lao, tự vi nhất phổ, sử tử tôn thiên vạn thế hậu tập di âm hưởng thành nghiệp giả, đương tri tiên huynh dự ngô tân cần chi khổ, kiêm tạo chi gian phi dụng dị đắc dã!”.

(Ngẩng trông thanh thượng, đoái thương tới chút công lao nhỏ mọn. Đã ủy cho vào nơi cung cấm, bao phong tước quận công. Ân trạch đến thế càng nhớ tới Tiên huynh, đã cùng tay nâng tay xách, trăm trận xông pha. Cho tới ngày nay, những chiến tích ấy đã được ghi trong quốc sử. Muôn thuở lưu thơm không bút nào tả nổi. Bởi vậy càng thấm thía tình sâu. Ngẫm thơ “đường lệ”⁽⁴⁾, nhớ câu “Tích linh”⁽⁵⁾ khiến lòng thêm cảm khái không thể chỉ để cho riêng mình. Bèn sắp xếp lại công lao theo thứ tự thời gian trận mạc gói



Trang cuối, bài “Bia Kiên Nghĩa”. Tr. 67a, bản chữ Hán TCHC

thành một phả, để cho con cháu muôn đời sau noi theo, giữ gìn, thụ hưởng gia nghiệp... biết được cái gian khổ của anh em ta thời mới tạo lập nên từ nghiệp võ).

Soạn xong, đưa tới Ngâm An Đan Luân bồi tụng Hồng lô tự khanh Tiến sĩ cập đệ khoa Ất Sửu (1685) Võ Thạnh, nhờ ông khảo duyệt. Rồi ta cho thợ khắc vào đá, dùng được lâu dài.

Thời, ngày 19 tháng trọng hạ (tức tháng 5) năm Chính Hòa 19 (1698)./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Trước khi gia nhập đội quân Lê - Trịnh, anh em Hưng Học, Hưng Nhượng mang theo di hài phụ thân sang bờ Bắc.

⁽²⁾ Theo hai đạo sắc Chính Hòa bát niên, hiện còn lưu tại từ đường, hai bà vợ đều được phong hàm: “Thự vệ sự Trung quận phu nhân”.

⁽³⁾ Ất Hợi, sách chép nhầm Kỷ Hợi.

⁽⁴⁾ “Đường lệ”, cây đường lệ, nơi ngày xưa, theo Kinh thi, ông Chiêu Bá xử kiện cho dân, công minh, dân được nhờ. Nay dùng tích này để chỉ ân trạch của Nhà vua, quan trên đối xử công minh với dân.

⁽⁵⁾ “Tích linh”, chữ trong câu “Tích linh tại nguyên, huynh đệ cập nạn” trong kinh thi. Có nghĩa: Con chim chia với ở ngoài đồng, khi gặp nạn, anh em vội vàng cứu nhau.

Nguồn tư liệu: Thanh Chương huyện chí, Hoàng giáp Bùi Dương Lịch, Đốc học Nghệ An, chủ biên - Bản chữ Hán chép tay, lưu tại Thư viện Nghệ An và Bản dịch của Bùi Văn Chất, NXB Nghệ An, 2008.